

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN TRỢ
CẤP XÃ HỘI
HK2 năm học 2017 - 2018

STT	MSS V	Họ Tên	Ngày Xếp sinh	Xếp loại	Khoa	Diện trợ cấp	Mức TC	Mức nhận
1	41.01Ka.902.011	Ảnh	13/03/1996	Giỏi MN	GD	Dân tộc thiểu số, vùng cao	140,0840,000	00
2	41.01La.904.002	Đào Thị	28/11/1997	Giỏi B	GDĐ	Dân tộc thiểu số, vùng cao	140,0840,000	00
3	42.01Phù.611.094	Sim A	08/03/1998	Giỏi	TLH	Dân tộc thiểu số, vùng cao	140,0840,000	00
4	41.01K'.902.178	Úc	23/04/1995	Xuất sắc	GD MN	Dân tộc thiểu số, vùng cao	140,0840,000	00
5	43.01Yang N'hi.901.136	Kar m Tor	22/06/1999	Khá H	GDT	Dân tộc thiểu số, vùng cao	140,0840,000	00
6	43.01DươnKim.609.021	g Mỹ	22/06/1999	Khá D	KHG	Dân tộc thiểu số, vùng cao	140,0840,000	00
7	43.01Thôn Mỹ.902.099	g Thị	25/07/1999	Khá MN	GD	Dân tộc thiểu số, vùng	140,0840,000	00

Danh sách sinh viên được nhận trợ cấp xã hội học kì 2 năm học 2017 - 2018

Thứ hai, 05 Tháng 11 2018 15:46

					cao			
8	43.01	Bùi Cam	02/02	Khá	GD	Dân	140,0840,0	
	.902.	Thị	/1999	MN	tộc	00 00		
	011	Hồng			thiếu			
					số,			
					vùng			
					cao			
9	42.01	Nguy Ngọc	04/06	Khá	GDĐ	Mồ	100,0600,0	
	.904.	ễn	/1997	B	côi	00 00		
	036	Thị			cha			
		Như			mẹ			
10	41.01	Phạm Lộc	09/09	Khá	TLH	Khuy	100,0600,0	
	.611.	Than	/1993		ết tật	00 00		
	066	h Ph						
		ước						
11	43.01	Vũ N An	05/12	Khá	TLH	Khuy	100,0600,0	
	.611.	guyễn	/1998		ết tật	00 00		
	001	n Thà						
		nh						
12	41.01	Hồng Huy	09/04	Giỏi	GDT	Hộ	100,0600,0	
	.901.	Than	/1997	H	cận n	00 00		
	067	h			ghèo			
13	41.01	Lê Hiếu	15/10	Khá	KHG	Hộ	100,0600,0	
	.609.	Văn	/1996	D	cận n	00 00		
	027				ghèo			
14	42.01	Nguy Tran	08/06	Giỏi	GD	Hộ	100,0600,0	
	.902.	ễn g	/1998	MN	cận n	00 00		
	220	Thị			ghèo			
		Thủy						
15	43.01	Đặng Linh	20/02	Khá	GDC	Hộ	100,0600,0	
	.605.	Thị	/1999	T	cận n	00 00		
	084	Mỹ			ghèo			
16	43.01	Phạm Cẩm	05/07	Khá	Ngữ	Hộ	100,0600,0	
	.606.	Thị	/1999	văn	cận n	00 00		
	013	Ngọc			ghèo			
17	41.01	Nguy Bích	03/02	Xuất	GDT	Hộ	100,0600,0	
	.901.	ễn	/1997	sắc	H	cận n	00 00	
	007	Thị			ghèo			
		Ngọc						
18	41.01	Trần Quỳnh	26/01	Giỏi	GDT	Hộ	100,0600,0	
	.901.	Thị h	/1997	H	cận n	00 00		
	155	Như			ghèo			
19	42.01	Quác Kiều	24/07	Giỏi	KHG	Hộ n	100,0600,0	
	.609.	h Thị	/1996	D	ghèo	00 00		
	034	Mỹ						
20	41.01	Nguy Tuấn	13/08	Khá	GDT	Hộ n	100,0600,0	
	.901.	ễn	/1997	H	ghèo	00 00		
	213	Anh						
21	K40.	Võ Nhật	30/06	Giỏi	Vật	Hộ n	100,0600,0	
	102.0	Thị	/1996	lý	ghèo	00 00		

Danh sách sinh viên được nhận trợ cấp xã hội học kì 2 năm học 2017 - 2018Thứ hai, 05 Tháng 11 2018 15:46

62	Hải								
22	42.01 Võ	Ngoa	04/09	Xuất	Lịch	Hộ n	100,0600,0		
	.602. Thị	n	/1998	sắc	Sử	gheo	00	00	
	103 Thu								
23	42.01 Trương	Vinh	20/11	Khá	Tiến	Hộ n	100,0600,0		
	.755. ng		/1997		g	gheo	00	00	
	195 Thị				Nhật				
	Trà								
24	43.01 Hoàn	Hiền	15/03	Giỏi	Địa	Hộ n	100,0600,0		
	.613. g Thị		/1999		lý	gheo	00	00	
	007								
25	42.01 Đào	Duyê	03/06	Khá	Ngữ	Hộ n	100,0600,0		
	.601. Thị	n	/1997		văn	gheo	00	00	
	012 Mỹ								
26	42.01 Trần	Việt	29/07	Giỏi	GD	Hộ n	100,0600,0		
	.902. Thị		/1998		MN	gheo	00	00	
	195								
27	41.01 Chu	Xuân	28/03	Xuất	GD	Hộ n	100,0600,0		
	.902. Thị T		/1997	sắc	MN	gheo	00	00	
	195 hanh								
28	43.01 Nguy	Hà	12/01	Khá	Ngữ	Hộ n	100,0600,0		
	.607. ễn		/1999		văn	gheo	00	00	
	029 Thị								
	Xuân								
29	41.01 Nguy	Hân	13/02	Giỏi	GDC	Hộ n	100,0600,0		
	.605. ễn		/1997		T	gheo	00	00	
	023 Hồ								
	Gia								